TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN D** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23-8-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tạ Thị Hương

Bà Trịnh Thị Mai Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trang Thanh - Thư ký Toà án nhân dân quận D, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Quỳnh Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 28/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 364/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Định Thị Thùy L; nơi cư trú: Tổ 9, phường Hòa Nghĩa, quận D, thành phố H; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn H; nơi cư trú: Tổ 9, phường Hòa Nghĩa, quận D, thành phố H; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là chị Đinh Thị Thùy L trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Nghĩa, quận D, thành phố H. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận tại gia đình anh H đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H chơi bời, nợ nần ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không hạnh phúc. Chị và anh H đã hòa giải với nhau nhiều lần nhưng vẫn không thể hòa hợp. Hiện tại chị đã đưa các con về nhà

bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân. Nay chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là cháu Phạm Quốc B, sinh ngày 18-5-2014 và cháu Phạm Q A, sinh ngày 12-11-2019. Khi ly hôn, chị nhận nuôi cả hai con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, do anh H cũng yêu cầu nhận nuôi con nên tại bản tự khai bổ sung và đơn xin xét xử vắng mặt chị thay đổi yêu cầu về việc nuôi con chung, chị nhận nuôi cháu nhỏ là Phạm Q A, giao cháu lớn là Phạm Quốc B cho anh H nuôi. Hai bên tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con. s

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn là anh Phạm Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý với chị L về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống nhưng anh cho rằng giữa hai vợ chồng anh vẫn còn tình cảm. Anh xác nhận do công việc vủa anh gặp khó khăn không chăm lo được cho cuộc sống gia đình nên đôi lúc vợ chồng có xảy ra bất đồng về quan điểm sống, tính cách và lối sống. Anh vẫn mong muốn chị L suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Phạm Quốc B, sinh ngày 18-5-2014 và cháu Phạm Q A, sinh ngày 12-11-2019. Nếu chị L kiên quyết đòi ly hôn thì anh đề nghị anh là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, ghi lời khai và xác minh mâu thuẫn vợ chồng tại nơi cư trú, gia đình chị L và anh H xác định: Anh H chị L xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và về vấn đề kinh tế. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không hòa giải được, hiện nay đã sống ly thân. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Quốc B, sinh ngày 18-5-2014 và cháu Phạm Q A, sinh ngày 12-11-2019 hiện cháu Phạm Quốc B đang ở cùng anh H, cháu Phạm Q A đang ở cùng chị L.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh H không có mặt nên không tiến hành hòa giải được, anh H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị L được ly hôn anh H; về con chung: Giao cho chị Đinh Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Q A, sinh ngày 12-11-2019, giao cho anh

Phạm Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Quốc B, sinh ngày 18-5-2014 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Không phải xem xét giải quyết. Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Đinh Thị Thùy L và anh Phạm Văn H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định tại các điều 9, 11 và 103 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Đinh Thị Thùy L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D, thành phố H giải quyết ly hôn với anh Phạm Văn H cư trú tại phường Hòa Nghĩa, quận D, thành phố H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố H.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử, anh H, chị L đã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ. Chị L và anh H đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh H.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Thùy L và anh Phạm Văn H xây dựng gia đình với nhau năm 2013. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2020, thì xảy ra mâu thuẫn. Chị L và anh H đã sống ly thân. Vợ chồng không còn quan tâm tới nhau về tình cảm và kinh tế. Chị L làm đơn xin ly hôn anh H, Tòa án đã thông báo cho các đương sự để tiến hành hòa giải nhưng anh H không có mặt nên không hòa giải được. Anh H không tham gia những lần hòa giải tại Tòa án, cũng không có đề nghị hay có giải pháp gì để vợ chồng hòa giải đoàn tụ. Sau khi xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương và gia đình xác định giữa anh chị có mâu thuẫn, chị L đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng đã ly thân và không còn quan tâm tới nhau về tình cảm. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".* Căn cứ vào quy định của pháp luật và thực tế, có thể thấy hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị L về việc xin ly hôn anh H là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị L có đề nghị nuôi cháu nhỏ là Phạm Q A, giao cháu lớn là Phạm Quốc B cho anh H nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình xác minh thu thập chứng cứ thể hiện Cháu Phạm Quốc B đang ở với anh H, cháu Phạm Q A đang ở với chị L. Chị L và anh H đều có đủ điều kiện đảm B về vật chất và tinh thần để nuôi con. Vì vậy giao cho chị L tiếp tục nuôi cháu Phạm Q A, giao cho anh H tiếp tục nuôi cháu Phạm Quốc B là phù hợp với pháp luật, với thực tế và đảm B quyền, lợi ích hợp pháp và nguyện vọng của con chung, phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do các đương sự không yêu cầu nên không phải xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị L và anh H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Đinh Thị Thùy L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Thùy L được ly hôn anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị Thùy L trực tiếp nuôi cháu Phạm Q A, sinh ngày 12-11-2019, giao cho anh Phạm Văn H tực tiếp nuôi cháu Phạm Quốc B, sinh ngày 18-5-2014 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị L và anh H không yêu cầu nên không phải xem xét giải quyết

4. Về án phí: Chị Đinh Thị Thùy L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0002916 ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố H. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị Thùy L, anh Phạm Văn H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận D;
- VKSND thành phố H;
- TAND thành phố H;
- Cục THADS quận D;
- UBND phường Hòa Nghĩa (ĐKKH số 77/2013);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thắng